

Bản án số: 139/2020/DS-PT

Ngày: 27-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Quý Chi

*Các thẩm phán:* Bà Lê Hồng Hạnh

Ông Vũ Hoàng Linh

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 147/2020/DSPT ngày 21/7/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn:*** Công ty A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (theo Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 9 năm 2019, có mặt).

***\* Bị đơn:*** Ông Đỗ Hữu T1, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt)

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt).

*Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Hữu T1*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2019, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày:***

Vào năm 2013, Công ty A (gọi tắt là Công ty) nhiều lần bán phân heo cho ông Đỗ Hữu T1 để tưới cây cao su, đến ngày 28/3/2014 thì hai bên quyết toán lại việc mua bán và xác định ông T1 còn nợ Công ty số tiền 18.050.000 đồng, việc xác định lại số tiền ông T1 còn nợ lại của Công ty có viết giấy và ông T1 có ký tên và viết họ tên vào phần người nợ. Do vào thời điểm khoảng tháng 5/2014, Công ty được tặng cho đất làm đường song song với đất của ông Đỗ Hữu T1 nên Công ty (do ông Nguyễn Văn T đại diện) có thỏa thuận bằng lời nói với ông T1 để mua một phần đất của ông T1 song song với đường đi của Công ty để làm đường mương nước thoát nước, đồng thời Công ty sẽ căn trừ số tiền mà ông T1 mua phân còn nợ lại là 18.050.000 đồng, việc thỏa thuận này đã được ông T1 đồng ý. Tuy nhiên, đến năm 2019 ông T1 thanh lý cây cao su để trồng cây mít trên đất thì ông T1 lập hàng rào, không cho Công ty sử dụng đường mương nước như đã thỏa thuận ở trên.

Nay Công ty A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L buộc ông Đỗ Hữu T1 trả số tiền 18.050.000 đồng.

***Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – ông Đỗ Hữu T1 trình bày:***

Vào năm 2013, ông có mua phân heo của Công ty. Đến ngày 28/3/2014 thì hai bên quyết toán việc mua bán thì ông còn nợ Công ty số tiền 18.050.000 đồng, việc quyết toán có làm giấy tay và ông có ký tên, viết họ tên vào phần người nợ. Tuy nhiên, sau khi ký nhận nợ thì ông đã trả số tiền 18.050.000 đồng cho Công ty, khi trả không có làm giấy tờ gì. Ông xác định đã trả số tiền trên cho Công ty vì không có việc Công ty để cho ông nợ số tiền 18.050.000 cho đến nay, trong khi đất đai và tài sản của ông hoàn toàn có đủ khả năng thanh toán số tiền 18.050.000 đồng

Việc ông Nguyễn Văn T xác định Công ty có thỏa thuận mua bán đất với ông để làm đường mương thoát nước và căn trừ số tiền 18.050.000 đồng là hoàn toàn không có.

Nay Công ty A yêu cầu ông trả số tiền 18.050.000 đồng thì ông không đồng ý vì số tiền này ông đã trả cho Công ty A. Ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện L bác đơn khởi kiện của Công ty A.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đã quyết định:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc ông Đỗ Hữu T1 trả cho Công ty A số tiền 18.050.000 đồng (*Mười tám*

*triệu không trăm năm mươi ngàn đồng)*

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty A, nếu ông T1 không trả đủ số tiền trên thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/6/2020, bị đơn ông Đỗ Hữu T1 kháng cáo, yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị đơn ông Đỗ Hữu T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Hữu T1; giữ nguyên Bản án dân sự số 26/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Hữu T1 thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận: Từ năm 2013 đến năm 2019, Công ty A (gọi tắt là Công ty) nhiều lần bán phân heo cho ông Đỗ Hữu T1 để tưới cây cao su. Trong quá trình mua bán, vào ngày 28/3/2014 hai bên có quyết toán việc mua bán của năm 2013-2014 và xác định ông T1 còn nợ Công ty số tiền 18.050.000 đồng, việc xác định lại số tiền ông T1 còn nợ lại của Công ty có viết biên nhận và ông T1 có ký tên xác nhận vào phần người nợ ở cuối biên nhận.

[2] Theo phía nguyên đơn thì sở dĩ nay mới yêu cầu ông T1 trả số tiền 18.050.000 đồng là vì trước đó giữa Công ty do ông Nguyễn Văn T làm đại diện có thỏa thuận bằng lời nói là Công ty mua một phần đất của ông T1 để làm mương thoát nước và căn trừ số tiền ông T1 còn nợ là 18.050.000 đồng, việc thỏa thuận được hai bên đồng ý. Tuy nhiên, do gần đây ông T1 đã rào đường mương này lại không cho công ty sử dụng nữa nên Công ty mới khởi kiện yêu cầu ông T1 trả lại tiền; đối với việc thỏa thuận mua phần đất làm mương trên thì công ty không có tranh chấp hay ý kiến gì mà xác định công ty chỉ khởi kiện đòi lại số nợ mua phân heo như trên. Còn theo phía bị đơn ông T1 thì ông T1 cũng xác định ngày 28/3/2014 ông có xác

nhận nợ công ty số tiền trên nhưng sau khi ký nhận nợ thì ông đã trả cho Công ty; giữa ông và Công ty không có thỏa thuận bán đất để làm nương nước như phía nguyên đơn trình bày.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T1 cho rằng ông đã trả số tiền 18.050.000đồng cho Công ty và cho rằng khi trả các bên không ghi giấy tờ nhưng trình bày này không được phía Công ty thừa nhận; ông T1 lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc mình đã trả. Do vậy, không có căn cứ xác định ông T1 đã trả khoản tiền trên. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T1 có nghĩa vụ phải trả cho Công ty số tiền là 18.050.000đồng là có căn cứ.

[4] Tại cấp phúc thẩm ông T1 cũng không đưa ra được căn cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của ông không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

[5] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông T1 đều trình bày ông trả số tiền 18.050.000đồng làm nhiều lần cho Công ty thông qua ông T. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm không đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã cho các bên làm rõ việc trả tiền liên quan đến ông T và ông T cũng cho rằng ông không có ý kiến khiếu nại gì về việc Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và xác định ý kiến của ông với tư cách người liên quan cũng không khác gì những ý kiến mà ông đã trình bày với tư cách người đại diện cho Công ty. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung tư cách tham gia tố tụng của ông T và nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T1 phải chịu 300.000đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Hữu T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 302, Điều 428, Điều 429 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc ông Đỗ Hữu T1 trả cho Công ty A số tiền 18.050.000đồng (Mười tám triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty A, nếu ông T1 không trả đủ số tiền trên thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

2. Về chi phí tố tụng: Công ty A phải chịu số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) mà Công ty A đã nộp tại Tòa án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Hữu T1 phải chịu 902.500đồng (chín trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng); Công ty A không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện L trả lại cho Công ty A số tiền 451.250đồng tạm ứng mà công ty đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000661 ngày 12/12/2019

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Hữu T1 phải chịu 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng ông T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001109 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- CCTHA dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Đinh Thị Quý Chi**